

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 354/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 5 - 2024

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị D, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 258/11 T, phường L, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Sầm Hoàng Ngh, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 258/11 T, phường L, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Sầm Hoàng Ngh đăng ký kết hôn số: 03 ngày 23/01/2017 tại UBND xã Kh, huyện S, tỉnh T, tự nguyện, có tìm hiểu thời gian 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ngh ăn chơi cờ bạc, nợ nần chị cũng đã tha thứ và trả nợ cho anh Ngh nên kinh tế gia đình rất khó khăn. Đến tháng 11/2023 vợ chồng mâu thuẫn gay gắt là do anh Ngh không quan tâm đến gia đình,

không có trách nhiệm với vợ con nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn niềm tin với nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị không thể nào chung sống với anh Ngh được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh Ngh để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Sầm Phan Thuỳ D1, sinh ngày: 28/7/2018. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu D1 và không yêu cầu anh Ngh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Sầm Hoàng Ngh, Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Ngh vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn anh Sầm Hoàng Ngh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa; đồng thời đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị D và giao con chung là cháu Sầm Phan Thuỳ D1, sinh ngày: 28/7/2018 cho chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên Toà không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Phan Thị D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Sầm Hoàng Ngh là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị D và anh Sầm Hoàng Ngh là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày, chị xin ly hôn anh Ngh vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh Ngh ăn chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con. Đến tháng 11/2023 vợ chồng mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Ngh nên chị yêu cầu được ly hôn anh Ngh. Quá trình giải quyết vụ án anh Ngh vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật yêu cầu anh Ngh đến Tòa làm việc, tạo điều kiện cho anh Ngh hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Ngh vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa chị D với anh Ngh không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh Ngh có 01 con chung là cháu Sầm Phan Thuỳ D1, sinh ngày: 28/7/2018, sức khỏe cháu D1 bình thường và hiện nay đang ở

với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D1. Về việc cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy: Hiện nay cháu Sầm Phan Thuỳ D1 còn nhỏ đang ở ổn định với chị D, phát triển bình thường và cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D1, do đó yêu cầu giải quyết việc nuôi con của chị D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị D phải chịu 300.000đồng.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị D ly hôn anh Sầm Hoàng Ngh.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là cháu Sầm Phan Thuỳ D1, sinh ngày: 28/7/2018 cho chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và Ngh vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0000434 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, Ngh vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã Kh, S, Tuyên Quang (số 03/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương